

DỰ TOÁN KINH PHÍ XÂY DỰNG QUY HOẠCH

(Gửi kèm theo Công văn số /SVHTTD-VH ngày /10/2022
của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

A	XÂY DỰNG NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH, LẬP DỰ TOÁN					141.400.000
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP					33.000.000
TT	Nội dung	Sử dụng chuyên gia	Ngày công quy đổi	Hệ số cấp độ lãnh thổ (K2)	Giá ngày công tương ứng loại chuyên gia	Thành tiền (VNĐ)
1	Thu thập thông tin, dữ liệu	CG4	10	1	750.000	7.500.000
2	Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch	CG4	15	1	750.000	11.250.000
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG4	05	1	750.000	3.750.000
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch	CG4	05	1	750.000	3.750.000
-	<i>ĐỐI tượng, phạm vi lập quy hoạch</i>	<i>CG4</i>	<i>01</i>	<i>1</i>	<i>750.000</i>	<i>750.000</i>
-	<i>Nguyên tắc, mục tiêu lập quy hoạch</i>	<i>CG4</i>	<i>01</i>	<i>1</i>	<i>750.000</i>	<i>750.000</i>
-	<i>Thực trạng và dự báo xu thế phát triển</i>	<i>CG4</i>	<i>01</i>	<i>1</i>	<i>750.000</i>	<i>750.000</i>
-	<i>Nội dung quy hoạch</i>	<i>CG4</i>	<i>01</i>	<i>1</i>	<i>750.000</i>	<i>750.000</i>
-	<i>Thành phần, số lượng, tiêu</i>	<i>CG4</i>	<i>01</i>	<i>1</i>	<i>750.000</i>	<i>750.000</i>

	<i>chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch</i>					
c	Xây dựng yêu cầu tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp lập quy hoạch	CG4	02	1	750.000	1.500.000
d	Xây dựng yêu cầu về kế hoạch, tiến độ lập quy hoạch	CG4	03	1	750.000	2.250.000
3	Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất	CG4	10	1	750.000	7.500.000
4	Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt	CG4	5	1	750.000	3.750.000
5	Thuế giá trị gia tăng (VAT) 10%					3.000.000
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP					108.400.000
1	Lựa chọn tổ chức tư vấn					4.000.000
TT	Nội dung	Định mức % so với tổng chi phí trực tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch		Thành tiền tính theo định mức % so với tổng chi phí trực tiếp nhiệm vụ lập QH (VND)		Thành tiền tính theo giá trị tối thiểu theo ND 63/2014/NĐ-CP của CP
a	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	0,1%		573.000		1.000.000
b	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	0,05%		286.500		1.000.000
c	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	0,1%		573.000		1.000.000
d	Chi phí thẩm	0,05%		286.500		1.000.000

	định kết quả lựa chọn nhà thầu			
2	Khảo sát thực tế			49.200.000
TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
a	Thiết bị định vị toàn cầu GPS: 01 cái x 12 ngày	12	1.000.000	12.000.000
b	Thuê máy ảnh KTS: 01 cái x 12 ngày	12	1.000.000	12.000.000
c	Tiền thuê phòng ngủ: 02 người x 12 ngày	24	350.000	8.400.000
d	Tiền ăn: 02 người x 12 ngày	24	200.000	4.800.000
e	Xe gầm cao khảo sát: 01 xe x 12 ngày	12	1.000.000	12.000.000
3	Tổ chức tham vấn lấy ý kiến về lập nhiệm vụ quy hoạch			
TT	Nội dung	Quy cách	Đơn giá	Thành tiền
a	Chủ trì	01 người x 2 buổi	1.500.000	3.000.000
b	Thư ký	01 người x 2 buổi	500.000	1.000.000
c	Đại biểu	30 người x 2 buổi	200.000	12.000.000
d	Giải khát	30 người x 2 buổi	20.000đ/ người	1.200.000
đ	Thuê Hội trường	2 buổi	5.000.000/ buổi	10.000.000
g	Tài liệu	30	100.000	3.000.000
h	Chi phí chuyên gia phản biện	02 người		
-	<i>Bài trình bày ý kiến phản biện đối với nội dung nhiệm vụ</i>	<i>02 bài x 02 buổi</i>	<i>2.000.000 đồng/bài/ buổi</i>	<i>8.000.000</i>
-	<i>Thuê xe đưa rước từ TP. HCM về ĐX và ngược lại</i>	<i>4 lượt/ 2 đợt</i>	<i>2.000.000 đồng/lượt/đợt</i>	<i>8.000.000</i>
-	<i>Tiền phòng nghỉ chuyên gia</i>	<i>4 đêm/ 2 đợt</i>	<i>2 người x 350.000 đồng/người/đêm x 2 đợt</i>	<i>1.400.000</i>
-	<i>Phụ cấp lưu trú</i>	<i>4 ngày/ 2 đợt</i>	<i>2 người x 200.000đ/ngày x 2 ngày x 2 đợt</i>	<i>1.600.000</i>
4	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch			6.000.000

B	LẬP QUY HOẠCH					806.695.000
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP					630.300.000
TT	Nội dung	Sử dụng chuyên gia	Ngày công quy đổi	Hệ số cấp độ lãnh thổ (K2)	Giá ngày công tương ứng loại chuyên gia	Thành tiền (VNĐ)
1	Thu thập thông tin dữ liệu và khảo sát bổ sung về hiện trạng quảng cáo ngoài trời					44.000.000
a	Thu thập và xử lý sơ bộ thông tin, dữ liệu của các quy hoạch có liên quan	CG3	12	1	1.000.000	12.000.000
b	Thu thập thông tin	CG3	12	1	1.000.000	12.000.000
c	Khảo sát, bổ sung thông tin	CG3	12	1	1.000.000	12.000.000
d	Xử lý, tổng hợp thông tin	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000
2	Phân tích, đánh giá về các yếu tố điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến hoạt động tuyên truyền và quảng cáo ngoài trời					24.000.000
a	Phân tích, đánh giá các yếu tố điều kiện tự nhiên	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000
b	Phân tích, đánh giá các yếu tố kinh tế - xã hội	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000
c	Phân tích, đánh giá mạng lưới giao thông	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000
3	Đề xuất ý tưởng phát triển quảng cáo trong thời kỳ quy hoạch thống nhất với yêu cầu nội dung quy hoạch					30.000.000
a	Xây dựng khung triển khai cụ thể hóa các yêu cầu của quy hoạch	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000
b	Đề xuất ý tưởng phát triển quảng	CG3	22	1	1.000.000	22.000.000

	cáo trong thời kỳ quy hoạch					
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng ngành tại thời điểm xây dựng quy hoạch					51.000.000
a	Phân tích thực trạng hoạt động tuyên truyền	CG3	17	1	1.000.000	17.000.000
b	Phân tích thực trạng hoạt động quảng cáo ngoài trời	CG3	17	1	1.000.000	17.000.000
c	Hoàn thiện nội dung đánh giá hiện trạng	CG3	17	1	1.000.000	17.000.000
5	Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố bên ngoài tác động đến ngành					20.000.000
a	Phân tích, đánh giá bước đầu các yếu tố bên ngoài tác động đến ngành	CG3	12	1	1.000.000	12.000.000
b	Thống nhất nội dung phân tích các yếu tố bên ngoài tác động đến ngành với nội dung của quy hoạch	CG3	8	1	1.000.000	8.000.000
6	Dự báo xu thế phát triển trong thời kỳ quy hoạch					144.000.000
a	Dự báo xu thế phát triển loại hình, phương tiện	CG3	50	1	1.000.000	50.000.000
b	Dự báo xu thế phát triển theo khu vực	CG3	50	1	1.000.000	50.000.000
c	Hoàn thiện nội dung dự báo, định hướng phát triển	CG3	44	1	1.000.000	44.000.000

7	Định vị, khoanh vùng các đối tượng quy hoạch					102.000.000
a	Xác định các đối tượng quy hoạch trong không gian	CG3	17	1	1.000.000	17.000.000
b	Định vị các đối tượng quy hoạch trong không gian	CG3	41	1	1.000.000	41.000.000
c	Thống nhất, khoanh vùng đối tượng quy hoạch trong không gian phù hợp với nội dung của quy hoạch	CG3	44	1	1.000.000	44.000.000
8	Hoàn thiện nội dung hợp phần ngành					158.000.000
a	Tổng hợp nội dung hiện trạng, dự báo, định hướng ngành	CG3	44	1	1.000.000	44.000.000
b	Xây dựng giải pháp, đề xuất tổ chức thực hiện triển khai và dự kiến nguồn lực	CG3	28	1	1.000.000	28.000.000
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp hợp phần ngành	CG3				
c.1	<i>Thuyết minh quy mô, tính chất, định hướng phát triển và bố trí không gian của đối tượng quy hoạch trong không gian</i>	CG3	25	1	1.000.000	25.000.000
c.2	<i>Xây dựng bản đồ thể hiện các đối tượng quy hoạch trong</i>	CG3	33	1	1.000.000	33.000.000

	không gian					
d	Hoàn thiện báo cáo đề xuất nội dung tích hợp, bản đồ	CG3	28	1	1.000.000	28.000.000
9	Thuế giá trị gia tăng (VAT) 10%					57.300.000
I	CHI PHÍ GIÁN TIẾP					176.395.000
1	Lựa chọn tổ chức tư vấn					4.000.000
TT	Nội dung	Định mức % so với tổng chi phí trực tiếp lập nhiệm vụ quy hoạch	Thành tiền tính theo định mức % so với tổng chi phí trực tiếp nhiệm vụ lập QH (VND)		Thành tiền tính theo giá trị tối thiểu theo ND 63/2014/ND-CP của CP	
a	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	0,1%	573.000		1.000.000	
b	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	0,05%	286.500		1.000.000	
c	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	0,1%	573.000		1.000.000	
d	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%	286.500		1.000.000	
2	Khảo sát thực tế					49.200.000
TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá		Thành tiền	
a	Thiết bị định vị toàn cầu GPS: 01 cái x 12 ngày	12	1.000.000		12.000.000	
b	Thuê máy ảnh KTS: 01 cái x 12 ngày	12	1.000.000		12.000.000	
c	Tiền thuê phòng ngủ: 02 người x 12 ngày	24	350.000		8.400.000	
d	Tiền ăn: 02 người x 12 ngày	24	200.000		4.800.000	
e	Xe gầm cao	12	1.000.000		12.000.000	

	khảo sát: 01 xe x 12 ngày			
3	Tổ chức hội nghị họp tham vấn lấy ý kiến về lập nhiệm vụ quy hoạch			49.200.000
TT	Nội dung	Quy cách	Đơn giá	Thành tiền
a	Chủ trì	01 người x 2 buổi	1.500.000	3.000.000
b	Thư ký	01 người x 2 buổi	500.000	1.000.000
c	Đại biểu	30 người x 2 buổi	200.000	12.000.000
d	Giải khát	30 người x 2 buổi	20.000đ/ người	1.200.000
đ	Thuê Hội trường	2 buổi	5.000.000/ buổi	10.000.000
g	Tài liệu	30	100.000	3.000.000
h	Chi phí chuyên gia phản biện	02 người		
-	Bài trình bày ý kiến phản biện đối với nội dung nhiệm vụ	02 bài x 02 buổi	2.000.000 đồng/bài/ buổi	8.000.000
-	Thuê xe đưa rước từ TP. HCM về ĐX và ngược lại	4 lượt/ 2 đợt	2.000.000 đồng/lượt/đợt	8.000.000
-	Tiền phòng nghỉ chuyên gia	4 đêm/ 2 đợt	2 người x 350.000 đồng/người/đêm x 2 đợt	1.400.000
-	Phụ cấp lưu trú	4 ngày/ 2 đợt	2 người x 200.000đ/ngày x 2 ngày x 2 đợt	1.600.000
4	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch; công bố quy hoạch và quản lý nghiệp vụ quy hoạch			123.195.000
TT	Nội dung	Định mức % so với tổng chi phí trực tiếp lập QH		Thành tiền
a	Thẩm định, phê duyệt QH	9,7		55.581.000
b	Công bố quy hoạch	3		17.190.000
c	Quản lý nghiệp vụ quy hoạch	8,8		50.424.000
C	THẨM TRA, PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN; KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP			7.694.000
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán			6.592.000
2	Chi phí kiểm toán độc lập			1.102.000
D	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			80.669.500
TỔNG CỘNG (A) + (B) + (C) + (D) = 1.036.458.500 ĐỒNG				